

Ngày 25 tháng 03 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

Công ty: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương  
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 10, số 191 phố Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà  
Trung, Hà Nội  
Điện thoại: (024) 3944 6368  
Fax: (024) 3944 6583  
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đặng Lưu Dũng  
Địa chỉ: Tầng 10, số 191 phố Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 04. 3944 6368  
Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ  
Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2018 tăng 24 tỷ đồng (tăng gần 154%) so với cùng kỳ năm 2017, nguyên nhân chủ yếu do doanh thu hoạt động tăng so với cùng kỳ năm 2017.

Thông tin này đồng thời được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty ngày 25/03/2019 tại đường dẫn: <http://techcomcapital.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

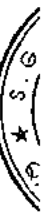
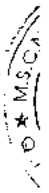
- Như kính gửi
- Lưu Công ty

Người công bố thông tin  
  
Đặng Lưu Dũng

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ thương  
(nay là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương)**

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2018



# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ Thương (nay là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương)

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ thương ("Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 40/UBCK-GP ngày 21 tháng 10 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Ngày 30 tháng 1 năm 2019, Công ty chuyển đổi loại hình sở hữu doanh nghiệp từ công ty TNHH thành công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương ("Công ty") theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 57/GP-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 1 năm 2019. Các giấy phép điều chỉnh của Công ty từ ngày thành lập được trình bày trong bảng dưới đây:

<u>Giấy phép điều chỉnh số</u>	<u>Ngày ban hành</u>
➤ Giấy phép điều chỉnh số 04/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận cho Công ty thay đổi địa điểm Trụ sở chính	Ngày 9 tháng 2 năm 2011
➤ Giấy phép điều chỉnh số 10/GPDC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty	Ngày 22 tháng 6 năm 2011
➤ Giấy phép điều chỉnh số 48/GPDC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty	Ngày 5 tháng 9 năm 2012
➤ Giấy phép điều chỉnh số 07/GPDC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chấp thuận cho Công ty thay đổi địa điểm Trụ sở chính và bổ sung nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	Ngày 26 tháng 3 năm 2013
➤ Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 57/GP-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp để thành lập Công ty Cổ phần	Ngày 30 tháng 1 năm 2019

Công ty chính thức được sở hữu 99,9995% bởi Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Ngân hàng mẹ), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam – kể từ ngày UBCKNN chấp thuận về việc chuyển đổi thành công ty cổ phần tại Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 57/GP-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 1 năm 2019.

Các hoạt động chính trong năm đến thời điểm hiện tại của Công ty là quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật.

Công ty có Trụ sở chính tại tầng 10, Tòa nhà Techcombank, số 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Hội đồng Thành viên của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho đến ngày 30 tháng 1 năm 2019 bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Bổ nhiệm</u>
Ông Hồ Hùng Anh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2013
Ông Đặng Lưu Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2012

# Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Từ ngày 30 tháng 1 năm 2019, do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, mô hình Hội đồng Thành viên chuyển sang mô hình Hội đồng Quản trị bao gồm các thành viên sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 1 năm 2019
Ông Đỗ Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 1 năm 2019
Ông Đặng Lưu Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 1 năm 2019

## BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Bổ nhiệm</u>
Ông Đặng Lưu Dũng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2015

Chức danh Giám đốc được đổi thành chức danh Tổng Giám đốc kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2019.

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho đến ngày 30 tháng 1 năm 2019 là Ông Hồ Hùng Anh – chức danh Chủ tịch Hội đồng Thành viên.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 30 tháng 1 năm 2019 cho đến ngày lập báo cáo tài chính là Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Đặng Lưu Dũng – chức danh Tổng Giám đốc được Bà Nguyễn Thị Thu Hiền ủy quyền ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo Giấy ủy quyền số 31/2019/UQ-CT ngày 30 năm 1 năm 2019.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ Thương (nay là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương)

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương ("Công ty") (trước đây là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ Thương) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các văn bản hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Ông Đặng Lưu Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2019



Building a better  
working world

Ernst & Young Vietnam Limited  
8th Floor, CornerStone Building  
16 Phan Chu Trinh Street  
Hoan Kiem District  
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 24 3831 5100  
Fax: +84 24 3831 5090  
ey.com

Số tham chiếu: 61283507/19517558

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ sở hữu Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ thương  
(nay là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương (nay là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương) ("Công ty"), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 27, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.




### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



  
Đặng Phương Hà  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2400-2018-004-1



Trần Mai Thảo  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2466-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018 VND'000	31/12/2017 (trình bày lại) VND'000
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>119.724.816</b>	<b>75.167.260</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>V.1</b>	<b>8.338.950</b>	<b>26.455.159</b>
111	1. Tiền		3.338.950	5.455.159
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000	21.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>99.169.861</b>	<b>45.400.000</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	V.2.1	96.369.861	45.400.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2.2	2.800.000	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>12.204.201</b>	<b>3.262.101</b>
132	1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	15.000	15.000
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	V.3	9.266.971	2.829.577
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	2.922.230	417.524
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>11.804</b>	<b>50.000</b>
158	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		11.804	50.000
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>196.232</b>	<b>173.783</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>50.556</b>	<b>97.222</b>
227	1. Tài sản cố định vô hình		50.556	97.222
	Nguyên giá		140.000	140.000
	Giá trị hao mòn lũy kế		(89.444)	(42.778)
<b>260</b>	<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>145.676</b>	<b>76.561</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		145.676	76.561
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>119.921.048</b>	<b>75.341.043</b>



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ Thương  
(nay là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương)

B01-CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018 VND'000	31/12/2017 VND'000
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>11.363.062</b>	<b>6.726.280</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>11.363.062</b>	<b>6.726.280</b>
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.5	5.390.338	1.718.009
315	2. Phải trả người lao động	V.6	5.809.486	4.787.070
316	3. Chi phí phải trả ngắn hạn		143.704	175.367
320	4. Phải trả ngắn hạn khác		19.534	45.834
<b>400</b>	<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>108.557.986</b>	<b>68.614.763</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		40.000.000	40.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		3.253.612	1.256.451
419	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp		3.253.612	1.256.451
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		62.050.762	26.101.861
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>119.921.048</b>	<b>75.341.043</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2018 VND'000	31/12/2017 VND'000
005	1. Ngoại tệ các loại - Đô la Mỹ (USD)		1,98	1,98
006	6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý Quỹ		95.400.000	45.400.000
007	6.1 Chứng khoán giao dịch		95.400.000	45.400.000
030	8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	V.7	-	152.164
031	8.1 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		-	152.164
040	9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	V.8	-	144.000.000
041	9.1 Nhà đầu tư ủy thác trong nước		-	144.000.000
051	11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	V.9	-	167.185

Người lập:

*Nam*

Người kiểm tra:

*Ph*

Người phê duyệt:



*Duy*  
Ông Đặng Lưu Dũng  
Tổng Giám đốc

Bà Đường Thị Hồng Nam  
Kế toán

Bà Phan Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018 VND'000	Năm 2017 VND'000
01	1. Doanh thu	VI.1	64.025.364	31.509.257
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	VI.1	64.025.364	31.509.257
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	VI.2	(126.130)	(60.688)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		63.899.234	31.448.569
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	7.815.698	5.763.136
22	7. Chi phí tài chính		(115.892)	-
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	(21.392.488)	(17.420.669)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		50.206.552	19.791.036
50	10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		50.206.552	19.791.036
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.5	(10.041.310)	(3.958.207)
60	12. Lợi nhuận sau thuế TNDN		40.165.242	15.832.829

Người lập:



Bà Đường Thị Hồng Nam  
Kế toán

Người kiểm tra:



Bà Phan Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Đặng Lưu Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2019



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp trực tiếp)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018 VND'000	Năm 2017 VND'000
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		59.755.567	35.552.020
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(117.424)	(60.688)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(13.069.616)	(14.181.914)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(6.918.750)	(3.015.972)
06	5. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	VI.5	(3.996.126)	(2.289.211)
20	<b>Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>35.653.651</b>	<b>16.004.235</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
23	1. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(79.063.011)	(42.000)
21	2. Tiền thu từ bán các công cụ nợ của đơn vị khác		25.293.151	-
26	3. Tiền thu đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	600.000
30	<b>Tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(53.769.860)</b>	<b>558.000</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(18.116.209)</b>	<b>16.562.235</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	V.1	<b>26.455.159</b>	<b>9.892.924</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	V.1	<b>8.338.950</b>	<b>26.455.159</b>

Người lập:



Bà Đường Thị Hồng Nam  
Kế toán

Người kiểm tra:



Bà Phan Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Đặng Lưu Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2019

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ Thương  
(nay là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương)

B05-CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018:

Đơn vị tính: VND'000

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 1/1/2018	40.000.000	1.256.451	1.256.451	26.101.861	68.614.763
Tăng trong năm	-	1.997.161	1.997.161	40.165.242	44.159.564
Giảm trong năm	-	-	-	(4.216.341)	(4.216.341)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2018</b>	<b>40.000.000</b>	<b>3.253.612</b>	<b>3.253.612</b>	<b>62.050.762</b>	<b>108.557.986</b>

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:

Đơn vị tính: VND'000

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 1/1/2017	40.000.000	435.756	435.756	11.329.345	52.200.857
Tăng trong năm	-	820.695	820.695	16.413.906	18.055.296
Giảm trong năm	-	-	-	(1.641.390)	(1.641.390)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2017</b>	<b>40.000.000</b>	<b>1.256.451</b>	<b>1.256.451</b>	<b>26.101.861</b>	<b>68.614.763</b>

Người lập:

*Bà Đường Thị Hồng Nam*

Người kiểm tra:

*Bà Phan Thị Thu Hằng*

Người phê duyệt:



Bà Đường Thị Hồng Nam  
Kế toán

Bà Phan Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng

Ông Đặng Lưu Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ thương (“Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 40/UBCK-GP ngày 21 tháng 10 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Ngày 30 tháng 1 năm 2019, Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH thành công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương (“Công ty”) theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 57/GP-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 1 năm 2019.

Công ty chính thức được sở hữu 99,9995% bởi Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Ngân hàng mẹ), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam – kể từ ngày UBCKNN chấp thuận về việc chuyển đổi thành công ty cổ phần tại Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 57/GP-UBCK ngày 30 tháng 1 năm 2019.

Các hoạt động chính trong năm đến thời điểm hiện tại của Công ty là quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật.

Công ty có Trụ sở chính tại tầng 10, Tòa nhà Techcombank, số 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

**Vốn Điều lệ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng vốn điều lệ của Công ty là 40 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2017: 40 tỷ VND).

**Nhân viên**

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 33 người, trong đó có 10 người đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ (31 tháng 12 năm 2017: 25 người, trong đó có 9 người đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ).

Danh sách nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

<u>STT</u>	<u>Họ và tên</u>	<u>Số giấy phép</u>	<u>Ngày cấp</u>
1	Phí Tuấn Thành	000135/QLQ	15/04/2009
2	Đặng Lưu Dũng	000367/QLQ	13/07/2009
3	Phan Linh Chi	000368/QLQ	13/07/2009
4	Đào Kiên Trung	000553/QLQ	01/02/2010
5	Đông Thị Khánh Ngọc	000794/QLQ	14/11/2011
6	Đặng Hoàng Tùng	000811/QLQ	08/12/2011
7	Phan Thị Thu Hằng	001165/QLQ	30/10/2014
8	Lưu Thị Thúy	001166/QLQ	04/11/2014
9	Lương Thị Minh Phương	001579/QLQ	09/06/2017
10	Nguyễn Thanh Hiếu	001649/QLQ	26/01/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **II.1 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### **II.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND) và được làm tròn đến hàng nghìn đồng Việt Nam (VND'000) cho mục đích trình bày báo cáo tài chính.

## **III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **III.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/QĐ-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 37 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### **III.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **III.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### III.4 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về tính chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### IV.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### IV.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### IV.3 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc năm tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong năm.

##### *Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn*

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua. Trong các năm tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận theo giá trị ghi sổ, trừ đi dự phòng giảm giá nếu có.

Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Giá vốn chứng khoán kinh doanh bán ra được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng đầu tư chứng khoán*

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh tại ngày lập báo cáo tài chính.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán.

Trong trường hợp các nguồn thông tin đáng tin cậy như trên không có sẵn trên thị trường, các chứng khoán này sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Giá trị thị trường của chứng chỉ quỹ chưa niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá trị tài sản ròng của đơn vị chứng chỉ quỹ theo báo cáo tài sản ròng của quỹ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### IV.4 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

##### IV.5 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

##### IV.6 Trợ cấp thôi việc phải trả

*Trợ cấp thôi việc tự nguyện:* theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

*Trợ cấp mất việc:* theo quy định tại Điều 17 Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho các nhân viên mất việc do việc chuyển đổi cơ cấu hoặc do thay đổi về công nghệ. Trong trường hợp này, Công ty sẽ có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc với tổng số tiền tương đương một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng không được thấp hơn hai tháng lương.

*Trợ cấp thất nghiệp:* theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

##### IV.7 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

##### IV.8 Phân chia lợi nhuận và các quỹ

Theo Thông tư số 146/TT/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ ("Thông tư 146"), bắt đầu từ năm tài chính 2014, lợi nhuận thực hiện của Công ty được phân phối như sau:

	<u>Phân phối hàng năm</u>	<u>Số dư tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Việc phân chia lợi nhuận còn lại do Hội đồng Thành viên (nay là Hội đồng Quản trị) của Công ty quyết định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

##### **IV.9 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

###### *Phí quản lý và tư vấn*

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của các hợp đồng quản lý đầu tư và tư vấn.

###### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### **IV.10 Thuê hoạt động**

Các khoản thuê mà về bản chất tất cả các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu các tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được hạch toán là thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê khi phát sinh trong suốt thời gian thuê.

##### **IV.11 Thuế**

###### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

###### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

##### **IV.11 Thuế (tiếp theo)**

###### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

##### **IV.12 Công cụ tài chính**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh trong báo cáo tài chính như được trình bày sau đây.

Theo Thông tư 210, Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phi phái sinh do Công ty phát hành để xác định liệu công cụ đó có bao gồm cả thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Các thành phần này được phân loại riêng biệt là nợ phải trả tài chính, tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán. Yêu cầu này không có ảnh hưởng đến tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty vì Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phi phái sinh.

###### **Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

###### **Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi lỗ và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

###### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**V.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND'000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.338.950	5.455.159
Các khoản tương đương tiền	5.000.000	21.000.000
	<b>8.338.950</b>	<b>26.455.159</b>

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam với lãi suất là 5,3%/năm (31/12/2017: 4,6%/năm).

**V.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn**

**V.2.1 Chứng khoán kinh doanh**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND'000
Chứng khoán kinh doanh		
- Trái phiếu phát hành bởi Công ty CP Tập đoàn Vingroup (i)	38.400.000	38.400.000
- Trái phiếu phát hành bởi Công ty CP Tập đoàn Masan (ii)	32.823.241	7.000.000
- Trái phiếu phát hành bởi Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (iii)	25.146.620	-
	<b>96.369.861</b>	<b>45.400.000</b>

(i) Trái phiếu phát hành ngày 29 tháng 12 năm 2015 có kỳ hạn 3 năm; lãi suất cố định năm đầu tiên là 11%/năm, năm tiếp theo bằng lãi tham chiếu +5%; lãi trả 6 tháng/lần; gốc trả cuối kỳ. Trái phiếu không được bảo đảm bằng tài sản và không có bảo lãnh.

(ii) Trái phiếu phát hành lần lượt tại ngày 08 tháng 09 năm 2017 và ngày 02 tháng 10 năm 2017 có kỳ hạn 02 năm; lãi suất cố định là 9%/năm; lãi trả 6 tháng/lần; gốc trả cuối kỳ.

(iii) Trái phiếu phát hành ngày 5 tháng 6 năm 2018 có kỳ hạn 2 năm; lãi suất cố định 9,5%; lãi trả 6 tháng/lần; gốc trả cuối kỳ.

**V.2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND'000
Tiền gửi có kỳ hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	2.800.000	-

Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 năm tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam với lãi suất là 5,9%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**V.3 Phải thu hoạt động nghiệp vụ**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND'000
Phải thu hoạt động quản lý quỹ	9.266.971	2.771.117
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	-	58.460
	<b>9.266.971</b>	<b>2.829.577</b>

**V.4 Trả trước ngắn hạn cho người bán và phải thu ngắn hạn khác**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 (trình bày lại)(* ) VND'000
Trả trước ngắn hạn cho người bán	15.000	15.000
Phải thu ngắn hạn khác	2.922.230	417.524
<i>Lãi tiền gửi ngân hàng</i>	119.270	55.575
<i>Lãi trái phiếu</i>	2.784.165	360.049
<i>Phải thu khác</i>	18.795	1.900
	<b>2.937.230</b>	<b>432.524</b>

(\* ) Phân loại lại phải thu lãi trái phiếu từ “*Phải thu ngắn hạn khách hàng*” thành “*Phải thu ngắn hạn khác*”.

**V.5 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND'000	Số phát sinh trong năm VND'000	Điều chỉnh trong năm VND'000	Số đã nộp trong năm VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND'000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	976.006	10.041.310	(56.595)	(6.918.750)	4.041.971
Thuế thu nhập cá nhân	742.003	5.168.386	-	(4.562.022)	1.348.367
	<b>1.718.009</b>	<b>15.209.696</b>	<b>(56.595)</b>	<b>(11.480.772)</b>	<b>5.390.338</b>

**V.6 Phải trả người lao động**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND'000
Phải trả lương công nhân viên	944.486	758.710
Phải trả công nhân viên – lương tháng 13 và thưởng hoàn thành công việc	4.865.000	4.028.360
	<b>5.809.486</b>	<b>4.787.070</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**V.7 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND'000
<b>Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương</b>		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	-	110.712
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư TCO Việt Nam</b>		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	-	41.452
	<b>-</b>	<b>152.164</b>

**V.8 Danh mục của nhà đầu tư ủy thác**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Số lượng	Nguyên giá VND'000	Số lượng	Nguyên giá VND'000
<b>Công ty cổ phần đầu tư TCO Việt Nam</b>				
Góp vốn đầu tư dài hạn				
- Công ty CP Hàng không SkyViet	-	-	14.400.000	144.000.000
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>14.400.000</b>	<b>144.000.000</b>

**V.9 Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND'000
Phí quản lý và các phí khác từ các hợp đồng ủy thác đầu tư:		
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương	-	72.005
- Công ty Cổ phần đầu tư TCO Việt Nam	-	95.180
	<b>-</b>	<b>167.185</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**VI.1 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh**

	Năm 2018 VND'000	Năm 2017 VND'000
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	427	1.660.313
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ	64.024.937	29.744.488
Doanh thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	104.456
<b>Tổng doanh thu hoạt động nghiệp vụ</b>	<b>64.025.364</b>	<b>31.509.257</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>64.025.364</b>	<b>31.509.257</b>

**VI.2 Chi phí hoạt động kinh doanh**

	Năm 2018 VND'000	Năm 2017 VND'000
Chi phí hoạt động quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	126.130	60.688

**VI.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2018 VND'000	Năm 2017 VND'000
Thu lãi tiền gửi	856.617	560.874
Thu lãi đầu tư chứng khoán ngắn hạn	6.959.081	5.202.262
	<b>7.815.698</b>	<b>5.763.136</b>

**VI.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2018 VND'000	Năm 2017 VND'000
Chi phí nhân viên	18.126.653	14.355.556
Chi phí vật liệu, dụng cụ	323.841	150.892
Chi phí khấu hao TSCĐ	46.667	42.778
Thuế, phí và lệ phí	328.740	321.565
Chi phí thuê văn phòng, quản lý tòa nhà	1.467.396	1.464.808
Chi phí tư vấn, kiểm toán	120.000	120.000
Chi phí thuê xe	427.773	372.409
Chi phí tiếp khách	36.717	38.101
Chi phí khác	514.701	554.561
	<b>21.392.488</b>	<b>17.420.669</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)**

**VI.5 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	Năm 2018 VND'000	Năm 2017 VND'000
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>50.206.552</b>	<b>19.791.036</b>
<b>Tổng chi phí thuế TNDN trong năm</b>	<b>10.041.310</b>	<b>3.958.207</b>
Thuế TNDN (phải thu)/phải trả đầu năm	976.006	(112.467)
Điều chỉnh theo quyết toán thuế năm trước	(56.595)	146.238
Thuế TNDN đã trả trong năm	(6.918.750)	(3.015.972)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>4.041.971</b>	<b>976.006</b>

**VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	Năm 2018 VND'000	Năm 2017 VND'000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	Lãi tiền gửi	269.324	40.000
		Chi phí thuê văn phòng	(1.467.396)	(1.464.808)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương	Cùng chủ sở hữu	Phí quản lý danh mục đầu tư	427	1.620.314
Hội đồng Thành viên, Kiểm soát viên và Ban Giám đốc		Chi phí lương	3.490.541	3.124.706

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ Thương  
(nay là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương)**

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc năm tài chính như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Khoản phải thu/(phải trả)</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND'000</u>	<u>Phát sinh tăng VND'000</u>	<u>Phát sinh giảm VND'000</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND'000</u>
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Ngân hàng mẹ	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.444.187	148.963.035	(151.076.068)	3.331.154
		Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	15.000.000	10.800.000	(18.000.000)	7.800.000
		Lãi dự thu hợp đồng tiền gửi	39.375	193.760	(113.865)	119.270
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương	Cùng chủ sở hữu	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư và các phí khác	48.459	427	(48.886)	-
		Tiền gửi tự doanh	10.704	32.820.207	(32.823.318)	7.593

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### VIII. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Trong hoạt động kinh doanh của mình, Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

#### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không phát sinh các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ của Công ty là không đáng kể.

#### *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Công ty không có rủi ro về giá cổ phiếu.

ST  
VI  
HI  
H  
V K

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**VIII. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty không có rủi ro về giá hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

***Phải thu khách hàng***

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và giảm thiểu rủi ro tín dụng.

***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng mẹ, vì vậy công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty là thấp.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Kỹ Thương  
(nay là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương)**

B09-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**VIII. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Thời hạn của các nghĩa vụ phải trả của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính:

Bất kỳ thời điểm nào VND'000	Dưới 3 tháng VND'000	Từ 3 - 12 tháng VND'000	Từ 1 - 5 năm VND'000	Trên 5 năm VND'000	Tổng cộng VND'000
Phải trả người lao động	5.809.486	-	-	-	5.809.486
Chi phí phải trả ngắn hạn	77.704	66.000	-	-	143.704
Phải trả, phải nộp khác	19.534	-	-	-	19.534
	<b>5.906.724</b>	<b>66.000</b>	-	-	<b>5.972.724</b>

**IX. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị số và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

VND'000

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.338.950	8.338.950	26.455.159	26.455.159
Đầu tư ngắn hạn	99.169.861	99.169.861	45.400.000	45.400.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	12.204.201	12.204.201	3.262.101	3.262.101
	<b>119.713.012</b>	<b>119.713.012</b>	<b>75.117.260</b>	<b>75.117.260</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Chi phí phải trả ngắn hạn	143.704	143.704	175.367	175.367
	<b>143.704</b>	<b>143.704</b>	<b>175.367</b>	<b>175.367</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**IX. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ vay của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- ▶ Giá trị hợp lý của các trái phiếu niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo. Giá trị hợp lý của trái phiếu chưa được niêm yết và các nợ phải trả tài chính khác được ước tính bằng cách chiết khấu luồng tiền sử dụng lãi suất hiện tại áp dụng cho các khoản nợ có điều kiện, rủi ro tín dụng và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

**X. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Công ty được chuyển đổi loại hình sở hữu doanh nghiệp từ Công ty TNHH thành công ty cổ phần vào ngày 30 tháng 1 năm 2019 theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Công ty quản lý quỹ số 57/GP-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 1 năm 2019; thay thế cho giấy phép Thành lập và Hoạt động Công ty quản lý quỹ số 40/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 10 năm 2008. Hoạt động kinh doanh được cấp phép không có sự thay đổi giữa 2 văn bản.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cần phải thuyết minh trên báo cáo tài chính.

Người lập:

Người kiểm tra:

Người phê duyệt:



Bà Đường Thị Hồng Nam  
Kế toán

Bà Phan Thị Thu Hằng  
Kế toán Trưởng

Ông Đặng Lưu Dũng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2019